

Số: 14/2025/QĐST-DS

Thanh Hóa, ngày 05 tháng 9 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - THANH HÓA

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Hữu Thủy

2. Ông Nguyễn Bá Long

Căn cứ vào Điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 147, 148, 288, 357, 463, 466 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào khoản 8 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 16/2025/TLST-DS ngày 23 tháng 7 năm 2025,

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa, các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trương Thị C, sinh năm 1948

Số CCCD 038148009536, cấp ngày 11/8/2021, nơi cấp: Cục trưởng Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Nghề nghiệp: Hưu trí

Trú tại: Thôn Minh Đức, xã Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Đồng Bị đơn: 1. Chị Trịnh Thị T, sinh năm 1986

Số CCCD 038186015016, cấp ngày 21/12/2022, nơi cấp: Cục trưởng Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Nghề nghiệp: Giáo viên mầm non

2. Anh Nguyễn Văn T, sinh 1984

Số CCCD 038084030316, cấp ngày 07/4/2023, nơi cấp: Cục trưởng Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Nghề nghiệp: Lao động tự do

Đều có địa chỉ tại: Thôn Phú Lai, xã Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:⁽⁵⁾

2.1. Các đương sự thống nhất: Ngày 01/01/2018, chị Trịnh Thị T và anh Nguyễn Văn T đã viết giấy vay tiền với bà Trương Thị C với số tiền 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng), lãi suất do các bên thỏa thuận và hẹn 02 tháng trả lãi 01 lần, thời hạn vay từ 01 đến 02 năm sẽ trả gốc và lãi đầy đủ.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, tính đến ngày 17/7/2025, thì anh T, chị T đã trả cho bà C được số tiền lãi là 47.800.000đ (bốn bảy triệu tám trăm nghìn đồng), gồm (ngày 25/5/2018 trả 5.000.000đ và 2.000.000đ; ngày 27/7/2021 trả 10.000.000đ; ngày 19/01/2022 trả 5.000.000đ; ngày 20/11/2023 trả 5.000.000đ; ngày 07/12/2024 trả 10.000.000đ và khi bà khởi kiện đến Tòa án (24/6/2025), thì đến ngày 17/7/2025 anh Tuấn đến nhà bà trả cho bà thêm 10.800.000đ). Tổng cộng anh T, chị T đã trả được là 47.800.000đ.

Tại phiên tòa (ngày 05/9/2025), các đương sự đã tự nguyện thỏa thuận, thống nhất, chị Trịnh Thị T và anh Nguyễn Văn T có trách nhiệm liên đới thanh toán cho bà Trương Thị C số tiền gốc là 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng chẵn). Bà Trương Thị C không yêu cầu tính lãi suất nữa.

2.2. Phương thức trả và thời gian trả các đương sự thống nhất như sau:

Các đương sự thống nhất, mỗi tháng anh Nguyễn Văn T và chị Trịnh Thị T phải liên đới trả cho bà Trương Thị C số tiền là 5.000.000 đồng (năm triệu đồng), cho đến khi hết số tiền nợ. Thời điểm trả nợ hàng tháng chậm nhất là ngày 30 của tháng. Thời gian trả nợ bắt đầu từ tháng 09/2025.

Trường hợp anh Nguyễn Văn T và chị Trịnh Thị T vi phạm nghĩa vụ thanh toán ở bất kỳ đợt thanh toán nào thì bà Trương Thị C đều có quyền nộp đơn yêu cầu thi hành án và thi hành một lần toàn bộ số tiền phải trả.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền phải thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại các Điều 357, 468 của Bộ Luật dân sự.

2.3. Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn T và chị Trịnh Thị T tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 3.000.000đ (ba triệu đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định

tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các Đương sự;
- Viện KSND Khu vực 3 (02 bản);
- Phòng 9 - VKS nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- Phòng KTNV - TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Thi hành án Dân sự tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tiến Dũng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN **CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hữu Thủy

Nguyễn Bá Long

Nguyễn Tiến Dũng

Nơi nhận:

- (Ghi theo quy định tại đoạn 2 khoản 1 Điều 212 của Bộ luật tố tụng dân sự);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 39-DS:

(1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: Số: 56/2016/QĐST-KDTM).

(3) Ghi số ký hiệu và ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Số 50/2016/TLST-KDTM).

(4) Ghi họ tên, tư cách đương sự trong vụ án, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc của các đương sự theo thứ tự như hướng dẫn cách ghi trong mẫu bản án sơ thẩm.

(5) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản hoà giải thành (kể cả án phí).

(6) Phần cuối cùng của Quyết định cần phải có đầy đủ chữ ký, họ và tên của các thành viên Hội đồng xét xử (Quyết định này phải lưu vào hồ sơ vụ án); Quyết định gửi cho các đương sự, cơ quan, tổ chức khởi kiện và Viện kiểm sát cùng cấp thì cần ghi như sau:

Nơi nhận:

- Đương sự, cơ quan, tổ chức khởi kiện;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Ký tên và đóng dấu của Tòa án)

(Họ và tên)